

Bản án số: 41/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 06/9/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh.

2. Bà Hứa Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Bấy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Đỗ Đức T**, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.**

2. Bị đơn: Chị **Đặng Thị O**, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.**

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là anh **Đỗ Đức T** và bị đơn là chị **Đặng Thị O** trình bày: Anh **Đỗ Đức T** và chị **Đặng Thị O** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** ngày 24/10/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sinh

sống cùng bố, mẹ đẻ anh **T** tại **thôn T, xã K, huyện K** được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh **T** khai nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, quan điểm thường xuyên không thống nhất trong sinh hoạt cũng như trong làm kinh tế nên hay xảy ra đánh cãi chửi nhau, nhiều lần phải nhờ chính quyền địa phương và công an đến giải quyết. Lần gần nhất vào tháng 3/2024, bố đẻ anh là ông **Đỗ Đức V** đi xe kẹp chết con chó của chị **O** nuôi thì chị **O** đã chửi bới, xúc phạm bố anh và báo công an xã đến giải quyết, yêu cầu bố anh phải bồi thường 1 triệu. Ngày hôm sau, mẹ anh là bà **Phạm Thị P** quét sân thì chị **O** hót phân đưa vào mặt mẹ anh và hai bên lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau. Mặc dù vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng đã cắt đứt mọi quan hệ về tình cảm từ tháng 4/2024 đến nay. Chị **O** xác định vợ chồng có mâu thuẫn do mẹ của anh **T** hay đặt điều nói xấu chị với anh **T**. Từ tháng 9/2023, chị **O** không đi làm nên không có tiền đưa cho anh **T** nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Trong quá trình chung sống, có lần vợ chồng đánh cãi chửi nhau hoặc anh **T** đánh chị nên có báo công an xã đến giải quyết. Ngoài ra, chị **O** có cãi nhau với mẹ anh **T** mấy lần vì ông bà cũng có thái độ không tôn trọng con dâu, hay chửi bới, xúc phạm chị **O** nên chị **O** mới có phản ứng như vậy. Tuy nhiên theo chị **O**, tất cả sự việc xảy ra là bình thường vì cuộc sống có những lúc va chạm không thể tránh khỏi. Nay anh **T** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chị **O** không đồng ý vì chị **O** vẫn còn tình cảm với anh **T**, vợ chồng vẫn sống chung và có quan hệ tình cảm với nhau bình thường.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh **T** và chị **O** có 02 con chung là cháu **Đỗ Như Q**, sinh ngày 05/10/2025 và cháu **Đỗ Quỳnh T1**, sinh ngày 18/4/2019. Hiện cả hai con chung đang ở cùng với anh **T**, chị **O**. Khi ly hôn anh **T** có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị **O** phải cấp dưỡng nuôi con. Chị **O** không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh **T** và chị **O** không đề nghị Tòa án.

- Bà **Phạm Thị P** là mẹ đẻ của anh **T** trình bày: Quá trình chung sống, chị **O** có cách xử sự thiếu tôn trọng bà, thường xuyên xung mảy tao với vợ chồng bà. Ban đầu vợ chồng bà bỏ qua vì cho rằng chị **O** là người vùng cao nên có cách xưng hô như vậy và động viên anh **T** bảo ban dần nhưng chị **O** không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh, cãi chửi nhau. Chị **O** còn báo **công an xã K** đến nhà giải quyết việc vợ chồng đánh nhau.

- Tại Biên bản lấy lời khai của mình, cháu **Đỗ Như Q**, sinh ngày 05/10/2015 thể hiện: Bố mẹ cháu sống không hạnh phúc. Nay bố cháu làm đơn

ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ vì cháu hợp với mẹ hơn. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu, không bị ai ép buộc.

- Xác minh về mâu thuẫn vợ chồng chị O, anh T, Công an xã K cung cấp: Anh T và chị O hiện sống cùng vợ chồng ông Đỗ Đức V và chị Đặng Thị O (là bố mẹ đẻ anh T). Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Chị O đã vài lần báo công an xã xuống giải quyết, sau đó hai bên làm lành với nhau. Ngoài ra do cùng ở với gia đình bố mẹ chồng nên cũng có xảy ra va chạm. Khoảng tháng 4 năm 2024, ông V đi xe đạp kẹp chết con chó của chị O nuôi nên chị O yêu cầu ông V bồi thường và mời công an xuống giải quyết. Ông V đã phải bồi thường cho chị O 1 triệu. Từ đó giữa gia đình anh T và anh T luôn trong tình trạng căng thẳng với chị O.

- Đại diện UBND xã K, đại diện Hội phụ nữ xã K và trưởng thôn Thiện Đ cung cấp: Quá trình chung sống, chị O và anh T có xảy ra va chạm cãi cọ nhiều lần. Anh T và chị O có báo cáo với Công an xã để giải quyết. Công an xã đã động viên hai bên kiềm chế để lo ổn định gia đình cho con cái yên tâm học tập, sau đó vợ chồng về đoàn tụ. Lần gần nhất vào tháng 3/2024 chị O có va chạm với ông V (bố anh T) thì chị đã báo công an xã đến để giải quyết. Tuy nhiên anh chị chưa lần nào nhờ UBND xã hay Hội phụ nữ xã hòa giải. Nay anh T làm đơn ly hôn xin ly hôn chị O đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị O và có nguyện vọng được nuôi 2 con chung nhưng chị O không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị O.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Quỳnh T1, sinh ngày 18/4/2019 cho anh Đỗ Đức T và giao cháu cháu Đỗ Như Q, sinh ngày 05/10/2015 cho chị Đặng Thị O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 9/2024 cho đến khi

mỗi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.
- Án phí: anh **T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh **Đỗ Đức T** khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về nuôi con khi ly hôn đối với chị **Đặng Thị O** có địa chỉ thường trú tại **xã K, huyện K** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: anh **Đỗ Đức T** và chị **Đặng Thị O** kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 24/10/2014 tại **UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh **T** và chị **O** đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và làm kinh tế. Bên cạnh đó chị **O** không biết đối nhân xử thế, có thái độ thiếu tôn trọng với người lớn tuổi và bố mẹ của anh **T**. Có những sự việc chỉ bắt nguồn từ mâu thuẫn nhỏ nhưng chị **O** không có cách xử sự và giải quyết phù hợp nên đã trở nên trầm trọng. Trong quá trình chung sống, nhiều lần giữa vợ chồng hoặc giữa chị **O** và bố mẹ của anh **T** đánh cãi chửi nhau đến mức độ **công an xã K** phải xử lý, giải quyết. Nay anh **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin ly hôn với chị **O**. Chị **O** thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn, giữa bố mẹ chồng với chị có xung đột nhưng không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, qua nhiều lần hòa giải, chị **O** cũng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng. Tại phiên tòa, anh **T** vẫn kiên quyết xin ly hôn vì tình trạng vợ chồng không có gì chuyển biến theo chiều hướng tích cực. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **T** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh **T** có 02 con chung là cháu **Đỗ Như Q**, sinh ngày 05/10/2015 và cháu **Đỗ Quỳnh T1**, sinh ngày 18/4/2019. Khi ly hôn anh **T** có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung,

không yêu cầu chị **O** cấp dưỡng. Chị **O** không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về việc nuôi con chung. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai, cháu **Đỗ Như Q** thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Trong khi đó cháu **T1** đã trên 3 tuổi. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần giao cháu **Q** cho chị **O** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu **T1** cho anh **T** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: anh **T** và chị **O** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: anh **T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của anh **Đỗ Đức T**;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Đỗ Đức T** được ly hôn chị **Đặng Thị O**.

2. Về con chung: Giao con chung là **Đỗ Quỳnh T1**, sinh ngày 18/4/2019 cho anh **Đỗ Đức T** và giao con chung là **Đỗ Như Q**, sinh ngày 05/10/2015 cho chị **Đặng Thị O** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 9/2024 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh **T** và chị **O** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh **Đỗ Đức T** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh **T** đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001986 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, anh **T** đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành (số 87/2014);
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà